

Bản án số: 82 /2019/DS-ST

Ngày: 17/10/2019

“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Thanh Cao;

Ông: Nguyễn Duy Oanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa:***
Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2019, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 610/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị C, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp L H 2, xã L H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Phan Thị C là Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: khóm B T 2, thị trấn L V, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 (vắng mặt); Phan Thị Kiều T (T), sinh năm: 1988 (vắng mặt); Cùng địa chỉ: ấp L H 2, xã L H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị C là Huỳnh Thị Cẩm T trình bày:

Chị Phan Thị C có làm chủ hai dây hội, trong đó anh D và chị T (T) có tham gia với tư cách hội viên tên là D, cụ thể như sau:

+ Dây hội thứ nhất khai ngày 10/3â/2017, đã mãn hội, giá hội 1.000.000 đồng, huê hồng 300.000đ, mỗi tháng khai 01 lần, gồm có 17 hội viên, anh D và chị T (T) tham gia 01 phần. Hốt hội lần thứ 02 được 10.450.000 đồng, đóng được 09 lần hội chết, còn nợ 06 lần hội chết đến nay anh D và chị T (T) chưa đóng là 6.000.000 đồng, chị C phải đóng hội thay cho anh D, chị T (T).

+ Dây hội thứ hai khai ngày 20/7â/2016, đã mãn hội, giá hội 2.000.000 đồng, huê hồng 600.000đ, mỗi tháng khai 01 lần, gồm có 20 hội viên, anh D và chị T (T) tham gia 01 phần. Hốt hội lần thứ 05, hốt được 23.250.000 đồng, đóng được 10 lần hội chết, còn 05 lần hội chết đến nay anh D và chị T (T) chưa đóng là 10.000.000 đồng, chị C phải đóng hội thay cho anh D, chị T (T).

Chị C đã nhiều lần yêu cầu anh D, chị T (T) trả lại tiền nợ hội nhưng anh D, chị T (T) hứa hẹn hết lần này đến lần khác, đến nay vẫn chưa trả.

Vợ chồng anh D, chị T (T) còn nợ chị C tiền hội là 16.000.000đ, chị Phan Thị C đồng ý giảm cho vợ chồng anh D và chị T (T) phần tiền là 6.000.000đ chỉ yêu cầu trả tiền hội còn nợ là 10.000.000 đồng; Vợ chồng anh D và chị T (T) làm đại lý nước đá có bán sỉ cho chị C với số tiền là 1.560.000 đồng, khấu trừ vào số tiền hội anh D và chị T (T) còn nợ thì anh D và chị T (T) còn nợ chị C là 8.440.000 đồng. Nay chị Phan Thị C yêu cầu Nguyễn Văn D và Phan Thị Kiều T (T) trả cho chị Phan Thị C số tiền hội còn nợ là 8.440.000 đồng.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và Biên bản lấy lời khai chị Phan Thị Kiều T trình bày:

Biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2019 chị Phan Thị Kiều T (T) trình bày: Chị T (T) có nghe anh Nguyễn Văn D nói lại là anh Nguyễn Văn D có tham gia 02 dây hội với tư cách hội viên do chị Phan Thị C làm chủ hội, 01 dây hội 1.000.000 đồng, 01 dây hội 2.000.000đồng, hội khai ngày, tháng, năm nào, hốt

được bao nhiêu tiền thì chị T (T) không biết. Việc chơi hụi là giữa anh D với chị Phan Thị C, còn nợ chị C tiền hụi là 10.000.000 đồng (dây hụi thứ nhất nợ 4.000.000 đồng, dây hụi thứ 2 nợ 6.000.000 đồng) nhưng hiện nay kinh tế khó khăn không có khả năng trả, anh D đi làm gửi tiền về bao nhiêu thì chị T (T) trả cho chị C bấy nhiêu.

Vợ chồng anh D và chị T (T) làm đại lý nước đá có bán sỉ cho chị C số tiền là 1.560.000 đồng. Vợ chồng chị T (T) đồng ý trả cho chị Phan Thị C 10.000.000 đồng trừ 1.560.000 đồng số tiền nợ hụi còn lại là 8.440.000 đồng.

Bị đơn Phan Thị Kiều T (T) và Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Anh Nguyễn Văn D không có văn bản, ý kiến gì phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng pháp luật. Nhưng có vi phạm về thời hạn ra thông báo nộp tiền án phí.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị C buộc bị đơn Nguyễn Văn D, Phan Thị Kiều T (T) trả cho nguyên đơn Phan Thị C tiền hụi còn nợ là 8.440.000 đồng là có cơ sở, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị C khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn D, chị Phan Thị Kiều T (T) trả tiền nợ hụi, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng hụi. Các đương sự cư trú tại xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn D, Phan Thị Kiều T (T) đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Phan Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn D, chị Phan Thị Kiều T (T) trả cho chị Phan Thị C số tiền hui còn nợ là 8.440.000đ, không yêu cầu tiền lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là danh sách hui viên.

Xét lời trình bày của chị Phan Thị C và chị C cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là danh sách hui viên, đồng thời chị T (T) thừa nhận anh Nguyễn Văn D có tham gia hui do chị C làm chủ hui, còn nợ số tiền hui là 8.440.000 đồng, chị T (T) đồng ý vợ chồng chị T (T) trả số tiền này cho chị C nhưng hiện nay kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả nợ. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn Nguyễn Văn D, Phan Thị Kiều T (T) vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do, anh Nguyễn Văn D không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như anh Nguyễn Văn D đã từ bỏ quyền phản bác của mình, chị Phan Thị Kiều T (T) thừa nhận vợ chồng có nợ đồng ý trả cho chị Phan Thị C số tiền hui còn nợ là 8.440.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị C, buộc Nguyễn Văn D, Phan Thị Kiều T (T) trả cho Phan Thị C số tiền hui còn nợ là 8.440.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Các đương sự không yêu cầu xem xét tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 28, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 Nghị định của chính phủ về hộ, hội, biểu phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị C.

2. Buộc Nguyễn Văn D và Phan Thị Kiều T (T) trả cho chị Phan Thị C số tiền hội còn nợ là 8.440.000 đồng (Tám triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Nguyễn Văn D và Phan Thị Kiều T (T) phải nộp 422.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phan Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Phan Thị C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 366.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0001657, ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/10/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/10/2019 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Huyền